

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 98/2024/HS-ST
Ngày 30-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Thanh Tâm
Ông Cao Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Hồ Nhật Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thanh Đ, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: **Thôn C, xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Thanh T**, sinh năm 1965 và bà **Trương Thị T1**, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị **Trần Thị Kim A**, sinh năm 2005, địa chỉ: **Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).

2. Chị **Nguyễn Kim N**, sinh năm 1999, địa chỉ: **Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Có mặt).

3. Anh **Bùi Hữu N1**, sinh năm 2000, địa chỉ: **Khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).

4. Anh **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm 1998, địa chỉ: **Khu phố D, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).

5. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1979, địa chỉ: **Tổ D, khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
6. Anh **Nguyễn Châu D**, sinh năm 1992, địa chỉ: **Khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
7. Chị **Phan Thị Thanh T3**, sinh năm 1991, địa chỉ: **Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
8. Anh **Đào Văn G**, sinh năm 1992, địa chỉ: **Tổ B, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
9. Anh **Nguyễn Châu T4**, sinh năm 1996, địa chỉ: **Khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
10. Chị **Phạm Thị Quế T5**, sinh năm 2001, địa chỉ: **Tổ D, Tổ dân phố Đ, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Đề nghị xét xử vắng mặt).
11. Ông **Nguyễn Công T6**, sinh năm 1964, địa chỉ: **Khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Có mặt khi tuyên án).
12. Bà **Châu Thị Mỹ A1**, sinh năm 1972, địa chỉ: **Khu phố F, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định**. (Vắng mặt).
13. Anh **Lê Duy T7**, sinh năm 1994, địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Vắng mặt).
14. Anh **Lê Trường N2**, sinh năm 2001, địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 08/7/2022 đến ngày 24/02/2024, trên địa bàn **thị xã H, tỉnh Bình Định**, **Trần Thanh Đ** đã cho nhiều người vay tiền với lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm. Khi cho vay, **Trần Thanh Đ** giao đủ số tiền gốc hoặc trừ tiền lãi trước trong số tiền gốc của người vay. Phương thức cho vay là giao tiền trực tiếp hoặc thông qua chuyển khoản ngân hàng bằng tài khoản của **Đ** và tài khoản đứng tên **Phạm Thị Quế T5**. Ngày 24/02/2024, **Công an thị xã H** phát hiện hành vi cho vay lãi nặng của **Đ**, cụ thể như sau:

- Vào ngày 08/7/2022, Được cho chị **Trần Thị Kim A** vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 1.500.000 đồng/10.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 15.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.333.333 đồng, chị **A** đã trả xong tiền gốc. Ngày 05/10/2022, Được cho chị **A** vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 2.250.000 đồng/15.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 33.750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 30.000.000 đồng, chị **A** chưa trả tiền gốc.

- Vào tháng 6/2023, Đ cho chị Nguyễn Kim N vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 750.000 đồng/5.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 3.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.666.667 đồng, chị N chưa trả tiền gốc.

- Vào ngày 13/6/2023, Được cho anh Bùi Hữu N1 vay 6.000.000 đồng, lãi suất là 1.200.000 đồng/6.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 3.600.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 3.300.000 đồng. Ngày 20/9/2023, Trần Thanh Đ tiếp tục cho anh N1 vay 2.000.000 đồng, cộng với khoản vay 6.000.000 đồng vào ngày 13/6/2023, thỏa thuận lãi suất 02 khoản vay là 1.600.000 đồng/8.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 3.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.933.333 đồng. Ngày 15/11/2023, anh N1 trả 4.000.000 đồng tiền gốc cho Được. Lúc này, anh N1 phải trả tiền lãi cho Được là 800.000 đồng/4.000.000 đồng/01 tháng đối với số tiền gốc còn lại, tương đương lãi suất 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 2.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.200.000 đồng, anh N1 chưa trả 4.000.000 đồng tiền gốc.

- Vào ngày 20/7/2023, Được cho anh Nguyễn Ngọc T2 vay 3.000.000 đồng, lãi suất là 600.000 đồng/3.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 2.300.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.100.000 đồng, anh T2 đã trả xong tiền gốc.

- Vào ngày 07/8/2023, Được cho bà Lê Thị B vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 4.000.000 đồng/20.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 16.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 14.666.666 đồng, bà B đã trả xong tiền gốc.

- Vào ngày 05/7/2023, Được cho anh Nguyễn Châu D vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 120%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.666.667 đồng, anh D đã trả xong tiền gốc. Ngày 19/8/2023, Trần Thanh Đ tiếp tục cho anh D vay 5.000.000 đồng, lãi suất là 750.000 đồng/5.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 666.667 đồng, anh D đã trả xong tiền gốc. Ngày 17/10/2023, Đ tiếp tục cho anh D vay 15.000.000 đồng, lãi suất là 2.250.000 đồng/15.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 6.750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 6.000.000 đồng, anh D chưa trả tiền gốc.

- Vào ngày 16/9/2023, Được cho chị Phan Thị Thanh T3 vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 2.000.000 đồng/10.000.000 đồng/01 tháng, tương đương 240%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 6.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.500.000 đồng. Tháng 12 năm 2023, Được giảm tiền lãi khoản vay ngày 16/9/2023 cho chị T3 còn 1.500.000 đồng/10.000.000 đồng/01 tháng, tương

đương lãi suất 180%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 4.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 4.000.000 đồng, chị **T3** chưa trả tiền gốc.

- Vào tháng 11/2023, **Đ** cho anh **Đào Văn G** vay 20.000.000 đồng, lãi suất là 2.000.000 đồng/20.000.000 đồng/20 ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, đã thu tiền lãi tổng cộng 2.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng, anh **G** đã trả xong tiền gốc.

Tổng số tiền gốc mà **Trần Thanh Đ** đã sử dụng để cho vay là 131.000.000 đồng, số tiền gốc đã nhận lại từ người vay là 82.000.000 đồng, số tiền lãi theo đúng quy định của pháp luật là 10.435.845 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 90.814.155 đồng.

Ngoài ra, **Trần Thanh Đ** có cho chị **A** và anh **T4** vay tiền từ tháng 05/2022 và ngày 11/9/2022 với lãi suất gấp 7,5 lần đến 27,3 lần mức lãi suất cao nhất qui định trong Bộ luật dân sự nhưng các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã H** đã tạm giữ 01 điện thoại di động của **Trần Thanh Đ**, 13 tờ giấy vay tiền, 53 tờ giấy liên quan thông tin số tài khoản, lịch sử giao dịch. Ngoài ra, còn tạm giữ xe mô tô biển kiểm soát 76H1-346.57 của anh **Lê Trường N2**, xe mô tô biển kiểm soát 77C1-898.94 của bà **Châu Thị Mỹ A1** và đã trả lại cho chủ sở hữu, anh **N2**, bà **A1** đã nhận xe và không có yêu cầu khiếu nại gì.

Trần Thanh Đ chưa nộp số tiền gốc và tiền lãi đã nhận từ người vay.

Tại Bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 30/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo **Trần Thanh Đ** về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, qui định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Thanh Đ** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị **N** trình bày: Chị chưa trả tiền gốc cho bị cáo **Đ**, về số tiền gốc này chị thống nhất để Tòa án xử lý theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Thanh Đ** phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đ** 18-24 tháng cải tạo không giam giữ, phạt bổ sung số tiền 90.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo vì muốn phụ giúp gia đình nên đã phạm tội. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Chị A1, anh N1, anh T2, bà B, anh D, chị T3, anh G, anh T4, ông T6, bà A1, anh T7, anh N2 đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, chị T5 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo Đ và chị N không có yêu cầu hoãn phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã có lời khai, lời trình bày, sự vắng mặt của những người này không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 08/7/2022 đến ngày 24/02/2024, tại thị xã H, tỉnh Bình Định, Trần Thanh Đ đã cho nhiều người vay tiền với mức lãi suất từ 120%/năm đến 240%/năm, gấp 6 đến 12 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền 90.814.155 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo Trần Thanh Đ về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích về tài chính của người dân. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, biết rõ hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường, không chấp hành pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân

tốt, không có tiền án, tiền sự. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Xét thấy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ để răn đe đối với bị cáo. Tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo, phấn đấu trở thành công dân có ích cho xã hội, không vi phạm pháp luật.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc 131.000.000 đồng bị cáo đã cho vay được xác định là công cụ dùng vào việc phạm tội nên cần phải truy thu sung vào ngân sách nhà nước. Trong đó, số tiền người vay đã trả cho bị cáo **D** là 82.000.000 đồng gồm: Chị Anh trả 10.000.000 đồng, anh **N1** trả 4.000.000 đồng, anh **T2** trả 3.000.000 đồng, bà **B** trả 20.000.000 đồng, anh **D** trả 25.000.000 đồng, anh **G** trả 20.000.000 đồng nên cần truy thu của bị cáo **D** số tiền này để sung vào ngân sách nhà nước. Chị **A1** chưa trả 15.000.000 đồng, chị **N** chưa trả 5.000.000 đồng, anh **N1** chưa trả 4.000.000 đồng, anh **D** chưa trả 15.000.000 đồng, chị **T3** chưa trả 10.000.000 đồng cho bị cáo **D** nên cần truy thu đối với những người này để sung vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền lãi tối đa bị cáo được phép thu theo quy định là 10.435.845 đồng là tiền do phạm tội mà có nên cần phải truy thu của bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước. Đối với số tiền lãi những người vay đã trả cho bị cáo vượt quá mức quy định cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay, cụ thể: Trả cho chị **A1** 43.333.333 đồng, trả cho chị **N** 2.666.667 đồng, trả cho anh **N1** 8.433.333 đồng, trả cho anh **T2** 2.100.000 đồng, trả cho bà **B** 14.666.666 đồng, trả cho anh **D** 8.333.334 đồng, trả cho chị **T3** 9.500.000 đồng, trả cho anh **G** 1.780.822 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh đen, số IMEI 358074511548987, bị cáo sử dụng liên lạc để giao dịch cho vay lãi nặng nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

[10] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đề nghị áp dụng pháp luật, mức hình phạt, hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với qui định của pháp luật nhưng quá nghiêm khắc. Vì vậy, chỉ áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng đủ để răn đe đối với bị cáo.

[11] Chị **T5** không biết bị cáo **D** sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để thực hiện hành vi phạm tội nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp. Bị cáo **D** cho chị **A1** và anh **T4** vay tiền từ tháng 05/2022 và ngày 11/9/2022 với lãi suất gấp 7,5 lần đến 27,3 lần mức lãi suất cao nhất qui định trong Bộ luật dân sự nhưng các lần thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng và đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên không xem xét xử lý hình sự là phù hợp. Ông **Lê Trường N2**, bà **Châu Thị Mỹ A1** đã nhận lại xe mô tô của mình và không có yêu cầu, khiếu nại gì nên không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35, Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Thanh Đ** phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần Thanh Đ** số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo **Trần Thanh Đ** phải nộp số tiền 92.435.845 đồng (Chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc chị **Trần Thị Kim A** phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc chị **Nguyễn Kim N** phải nộp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc anh **Bùi Hữu N1** phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc anh **Nguyễn Châu D** phải nộp số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc chị **Phan Thị Thanh T3** phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo **Trần Thanh Đ** phải: Trả cho chị **Trần Thị Kim A** số tiền 43.333.333 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trả cho chị **Nguyễn Kim N** số tiền 2.666.667 đồng (Hai triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng), trả cho anh **Bùi Hữu N1** số tiền 8.433.333 đồng (Tám triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trả cho anh **Nguyễn Ngọc T2** số tiền 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), trả cho bà **Lê Thị B** số tiền 14.666.666 đồng (Mười bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trả cho anh **Nguyễn Châu Danh S** số tiền 8.333.334 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng), trả cho chị **Phan Thị Thanh T3** số tiền 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng), trả cho anh **Đào Văn G** số tiền 1.780.822

đồng (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh đen, số IMEI 358074511548987.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2024).

5. Về án phí: Bị cáo **Trần Thanh Đ** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an thị xã Hoài Nhơn;
- CQ THAHS Công an thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng